TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-PT
Ngày: 18-6-2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Biên Hoà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Triệu Văn Đ, sinh năm 1950

Nông Thị O, sinh năm 1952

Cùng trú tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; (Ông Đ, bà O có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Triệu Văn Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Triệu Văn B. Địa chỉ: Xóm Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- Triệu Văn C. Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Triệu Bằng G – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Triệu Văn T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: SN C, tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Triệu Văn T2, sinh năm 1981; Có mặt.

3. Triệu Văn T3, sinh năm 1989; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

4. Triệu Văn K, sinh năm 1988; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

5. Nông Thị S, sinh năm 1944; Có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

6. Cộng đồng xóm B, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Đại diện xóm B: Bà Hoàng Thị H. Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn T4, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Nông Văn S1, sinh năm 1949. Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Triệu Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn Triệu Văn Đ, Nông Thị O và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thống nhất trình bày: Gia đình chúng tôi có 01 thửa đất rừng phòng hộ đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 179545, ngày 17/10/2006 thửa đất số 236, tờ bản đồ số 01, diện tích 51,860m^2, địa chỉ thửa đất tọa lạc tại L - Bản M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất. Ngày 07/12/2021 đến ngày 12/12/2021 ông Triệu Văn Q có hành vi sử dụng máy xúc để tiến hành san gạt và múc đất, múc cây chiếm đất trái phép của gia đình tôi khoảng 1.500m^2. Lúc phát hiện ông Q lấn chiếm đất gia đình tôi có bảo ông Q dừng hành vi lấn chiếm, nhưng ông Q nói là đất bảy đời của gia đình ông Q, sau đó gia đình tôi có đi báo cáo cho Uỷ ban nhân dân xã nhưng xã không xuống lập biên bản. Nay gia đình tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, yêu cầu ông Triệu Văn Q

trả lại quyền sử dụng đất đã lấn chiếm trái pháp luật cho chủ sử dụng đất hợp pháp là gia đình tôi.

Bị đơn ông Triệu Văn Q trình bày: Ông và bà O, ông Đ không có quan hệ họ hàng gì. Vào năm 2021 tôi có được múc phần đất hiện đang tranh chấp với gia đình ông Đ, bà O. Khi dùng máy đi múc đất tôi có hỏi bố mẹ, vì có mồ mả nhà tôi ở đó nên tôi múc đào đường hào vây quanh để tránh tranh chấp nhau. Bên cạnh phần đất đang tranh chấp có trồng cây sắn. Trên đất hiện đang tranh chấp có cây sâu sâu và khu mộ của dòng họ có khoảng 06 cái mộ. Khi Ủy ban nhân dân xã H2 tôi không có mặt do tôi đi làm xa. Nay bên nguyên đơn yêu cầu tôi trả lại đất đã lấn chiếm nếu đi đo đất tôi có múc quá vào phần đất nhà ông Đ, bà O thì tôi sẽ trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị S (mẹ đẻ ông Triệu Văn Q) trình bày: Đất hiện đang tranh chấp có khu mộ của dòng họ gia đình tôi, tôi đã sử dụng đất đó lâu rồi mà không ai có ý kiến gì. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ông Đ, bà O có ranh giới đến đâu tôi cũng không biết, tôi chỉ làm đất theo gia đình tôi.

Ngày 12/7/2023 Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự nhưng không thành.

Ngày 12/9/2023 Toà án thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả thẩm định như sau:

Kiểm tra trên bản đồ địa chính năm 2004: Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 01, diện tích 51.860m^2 tên theo tiếng địa phương là đồi L – Bản Miào (nay thuộc xóm Đ) xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp thửa 241, diện tích 46.872m^2 của ông Triệu Văn B1 và một phần của thửa 224, diện tích 28.937m^2 của ông Triệu Văn T5;

- Phía Nam giáp thửa 259, có diện tích 181.645m^2 của cộng đồng xóm B;

- Phía Đông giáp thửa 226, diện tích 7.648m^2 do UBND xã Đ quản lý và giáp thửa 246 diện tích 97.976m^2 do UBND xã Đ quản lý;

- Phía Tây giáp thửa 228, diện tích 10.579m^2 của ông Hoàng Văn T6, giáp thửa 224, diện tích 22.605m^2 của ông Hoàng Văn S2, giáp thửa 259, diện tích 181.645m^2 của cộng đồng xóm B xã Đ, giáp thửa 224, diện tích 28.937m^2 của ông Triệu Văn T5.

Kiểm tra trên thực địa thửa đất số 236 tờ bản đồ số 01 diện tích 51.860m^2. Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại L - Bản M (thuộc xóm Đ), xã Đ, huyện H.

- Theo nguyên đơn ông Triệu Văn Đ và bà Nông Thị O chỉ dẫn phần đất

đang tranh chấp tại thửa đất 236, lô 29 và lô 31 khoảnh 5 tiểu khu B có diện tích đất đang tranh chấp là khoảng 1.588,18m^2, tuy nhiên phần diện tích đất đang tranh chấp có một phần khoảng 402,800m^2 nằm trong thửa đất 259 của cộng đồng xóm B quản lý.

- Theo bị đơn ông Triệu Văn Q uỷ quyền cho bà Nông Thị S chỉ dẫn phần diện tích đang tranh chấp có diện tích khoảng 1.546,71m^2 trong đó có khoảng 607m^2 nằm trong thửa đất 259 của cộng đồng xóm B và phần còn lại khoảng 939m^2 thuộc thửa đất 236 do ông Triệu Văn Đ và bà Nông Thị O đang quản lý.

Phần diện tích đất đang tranh chấp có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc có diện tích khoảng 939m^2 nằm trong thửa 236 của ông Triệu Văn Đ và bà Nông Thị O;

+ Phía Nam có diện tích khoảng 607m^2 nằm trong thửa đất 259 của cộng đồng xóm B;

+ Phía Tây nằm trong thửa 259 của cộng đồng xóm B;

+ Phía Đông nằm trong thửa 259 của cộng đồng xóm B.

- Phần diện tích đất đang tranh chấp theo nguyên đơn chỉ tại thực địa khoảng 1.599,18m^2 có tứ cận tiếp giáp:

+ Phía Bắc nằm trong thửa 236 của ông Triệu Văn Đ, Nông Thị O.

+ Phía Tây một phần nằm trong thửa 236 của ông Đ, bà O và một phần của thửa 259 của cộng đồng xóm B.

+ Phía Nam nằm trong thửa 259 của cộng đồng xóm B.

+ Phía Đông một phần nằm trong thửa 236 của ông Đ, bà O và một phần của thửa 259 của cộng đồng xóm B, huyện H.

Trên phần diện tích đất đang tranh chấp có cây tự nhiên và một phần đất trống. Theo phía bị đơn cho rằng có một phần mộ nằm trong phần diện tích đất đang tranh chấp, tuy nhiên qua kiểm tra thực tế không có.

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Triệu Văn T1, Triệu Văn T2, Triệu Văn T3, Triệu Văn K là con của bà O, ông Đ: Đều có ý kiến như bà O, ông Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 và Quyết định sửa chữa bổ sung số 880/2023/QĐ-SCBSBA ngày 10/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng đã Quyết định:

Áp dụng các Điều 26, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 12, 26, 166, 170, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 164, 166, 169 Bộ luật

Dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi lại đất lấn chiếm, đất rừng nằm trong thửa 236, tờ bản đồ số 01, diện tích 51.860m^2 .

2. Buộc bị đơn ông Triệu Văn Q trả lại cho ông Triệu Văn Đ và bà Nông Thị O 1.185,38m^2 đất rừng nằm trong thửa 236 tờ bản đồ 01, diện tích 51.860m^2 Phần đất tọa lạc tại L - Bản M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có ranh giới tứ cận theo Biên bản thẩm định ngày 12/9/2023 (có sơ đồ kèm theo).

Buộc bị đơn chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sử dụng đất của gia đình ông Đ, bà O tại thửa 236 tờ bản đồ số 01, diện tích 51.860m^2.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2023 bị đơn Triệu Văn Q có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 02/01/2024 Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã uỷ thác cho Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu xác minh thu thập tài liệu chứng cứ số 06/YC-VKS-DS ngày 02/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Tại biên bản lấy lời khai đối với bà Nông Thị O ngày 17/01/2024; Biên bản lấy lời khai đối với ông Nông Văn Đ1 ngày 17/01/2024: Bà O, ông Đ1 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện như đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nông Thị S vào ngày 18/01/2024, bà S trình bày phần đất tranh chấp có 06 ngôi mộ của dòng họ, đất cách khu mộ 50m thuộc sự quản lý của gia đình bà, bà không nhất trí như bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị H, trưởng ban công tác mặt trận xóm B vào ngày 19/01/2024: Phần diện tích đất các bên đương sự đang tranh chấp, theo bản án xác định có một phần diện tích đất của xóm B, bà không rõ việc này và không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nông Văn S1 vào ngày 19/01/2024, ông S1 trình bày: Ông và bị đơn ông Q có quan hệ là họ hàng con bá, con cậu, ông làm Trưởng xóm B từ năm 1992- 2004, ông có được đi giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, trong đó có diện tích đất hiện nay các bên đang tranh chấp, phần đất nào không thuộc mồ mả thì để cho ông Đ1 bà O sử dụng và phải cách mồ mả bán kính 50m.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Hoàng Văn T4 vào ngày 19/01/2024, ông T4 trình bày: Ông làm Trưởng xóm B từ năm 2003- 2009, ông cho rằng phần đất nào không thuộc mồ mả thì ông Đ1 bà O được quyền quản lý sử dụng và phải cách mồ mả bán kính 50m.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/01/2024 đối với ông Nông Văn L, công chức xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ông L cung cấp cho Tòa án 01 Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa và 01 trích lục hình thể lô đất lâm nghiệp.

Tại Công văn số 60/BC-VPĐK ngày 26/4/2024 của Văn phòng Đ2 chi nhánh H3 trả lời việc cấp GCNQSDĐ số AG 179545 ngày 17/10/2006 là đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Triệu Văn B, Triệu Văn C là người được bị đơn Triệu Văn Q ủy quyền trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, cho rằng gia đình bị đơn đã sinh sống lâu đời tại địa phương, thửa đất trên gia đình canh tác, có đặt ngôi mộ trên diện tích đất đó đã bốc mộ đi, qua thẩm định vẫn còn 01 huyệt mộ là của gia đình, việc bà O được cấp giấy CNQSDĐ gia đình không hề biết, do đó việc cấp giấy CNQSDĐ là không đúng trình tự, ngoài lời trình bày bị đơn không có giấy tờ gì. Bị đơn không nhất trí bản án sơ thẩm, xác định phần đất trên là của gia đình bị đơn, đề nghị Tòa chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Các đồng nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nhất trí như án sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn trả lại diện tích 1.185,38m^2. Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị S không nhất trí như bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn T1, Triệu Văn T2 nhất trí như bản án sơ thẩm đã tuyên và ý kiến của ông Đ1, bà O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, đại diện được ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên lời trình bày về nguồn gốc thửa đất như nội dung đã trình bày tại cấp sơ thẩm, cho rằng việc UBND cấp giấy CNQSDĐ cho gia đình bà O không đúng, ngoài lời trình bày ra bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp, UBND huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 179545 ngày 17/10/2006 cho hộ bà Nông Thị O, ông Triệu Văn Đ và

Công văn số 60/BC-VPĐK ngày 26/4/2024 của Văn phòng Đ2 chi nhánh H3 trả lời việc cấp GCNQSDĐ số AG 179545 ngày 17/10/2006 là đúng trình tự thủ tục theo quy định. Xét thấy kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 và Thông báo sửa chữa bổ sung số 880/2023/QĐ-SCBSBA ngày 10/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng

Kiến nghị đối với Tòa án cấp sơ thẩm một số vấn đề sau:

- Đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nông Thị O, ông Triệu Văn Đ ghi ngày 17/04/2023 đến ngày 30/06/2023 Tòa án mới cấp giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện cho người khởi kiện vi phạm khoản 1 Điều 191 BLTTDS;

- Ngày 15/05/2023 nguyên đơn bà Nông Thị O, ông Triệu Văn Đ có đơn đề nghị miễn giảm án phí đến ngày 03/07/2023 Thẩm phán mới ra thông báo về việc thụ lý án số 563/TB-TLVA vi phạm khoản 4 Điều 195 BLTTDS;

- Nguyên đơn bà Nông Thị O, ông Triệu Văn Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Triệu Văn Q trả lại quyền sử dụng đất đã lấn chiếm khoảng 1.500m^2 nằm trong thửa đất số 236 tờ bản đồ số 01 diện tích 51.860m^2 địa chỉ: L, Bản M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, tại thông báo về việc thụ lý vụ án số 563/TB-TLVA ngày 03/07/2023 của Tòa án nhân huyện H chỉ nêu: *Ông Triệu Văn Đ, bà Nông Thị O yêu cầu Tòa án buộc ông Triệu Văn Q trả lại quyền sử dụng đất đã lấn, chiếm trái pháp luật cho chủ sử dụng đất hợp pháp là ông Đ, bà O* là chưa cụ thể vi phạm điểm d, khoản 2 Điều 196 BLTTDS và mẫu số 30-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao);

- Thông báo về việc kháng cáo số 894/2023/TB-TA ngày 17/10/2023 không thông báo cho người được ủy quyền ông Triệu Văn B, ông Triệu Văn C (giấy ủy quyền gửi theo đơn kháng cáo);

- Ngày 27/10/2023 Tòa án nhân dân huyện H gửi hồ sơ kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đến ngày 15/11/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng mới ra thông báo về việc thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm số 331/TBTL-TA, ngày 15/11/2023 (chậm 15 ngày vi phạm Điều 285 BLTTDS).

- Tại phần căn cứ trong Quyết định của bản án sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 28/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng, Tòa án không áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; mà chỉ ghi áp dụng Điều 26 BLTTDS 2015 là chưa đầy đủ theo điểm c, khoản 2 Điều 266 BLTTDS; chưa đúng theo mẫu số 52

(Ban hành kèm theo nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao);

Tại mục 4 của phần Quyết định trong bản án chưa đầy đủ: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án không ghi: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ. Đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm khắc phục những vi phạm nêu trên.

Sau khi xem xét đơn kháng cáo; tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn Triệu Văn Q trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 9 Điều 26 BLTTDS thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Văn Đ, Nông Thị O với bị đơn Triệu Văn Q là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ của việc kháng cáo:

Tại đơn kháng cáo bị đơn Triệu Văn Q cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không xem xét tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất của gia đình ông; không xem xét về đất rừng phải cách mồ mả bán kính là 50m như giao đất, giao rừng theo ý kiến ban đầu của nhân dân xóm; Toà án không xác minh với những người biết về thửa đất và nguồn gốc thửa đất rừng đang tranh chấp; Bản án sơ thẩm không xem xét đến nguồn gốc và quá trình quản lý và sử dụng đất của bị đơn.

Xét về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Thửa đất 236 tờ bản đồ số 01 diện tích 51860m^2 là đất rừng thuộc đồi L - Bản M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Ngày 04/8/2004 gia đình bà Nông Thị O đã được chính quyền địa phương thực hiện giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa đối với diện tích đất trên và đã được UBND huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 179545 ngày 17/10/2006 cho hộ bà Nông Thị O, ông Triệu Văn Đ.

Phía bị đơn cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình bị đơn canh tác từ lâu, gia đình có mồ mả ở đó; tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện, gia đình cũng không kê khai đối với diện tích đất tranh chấp trên. Mặt khác, bị đơn trình bày trên diện tích đất tranh chấp có mồ mả của gia đình tuy nhiên tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/9/2023 thể hiện trên đất tranh chấp chỉ có 01 hố sụt. Bị đơn cho rằng đất rừng phải cách mồ mả bán kính

là 50m như giao đất, giao rừng theo ý kiến ban đầu của nhân dân xóm. Xét thấy, tại Biên bản lấy lời khai của ông Nông Văn S1 ngày 19/01/2024, ông S1 cho biết ông không biết diện tích đất tranh chấp giữa bà O, ông Q ở đâu, ông có được đi giao đất giao rừng cho các hộ gia đình, riêng khu mồ mả thì không được giao. Tuy nhiên tại Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa ngày 04/8/2004 trưởng thôn, ấp, bản ký nhận thời điểm đó là ông Hứa Trọng C1; tại Giấy chứng nhận của ông Nông Văn S1 trưởng xóm Bản Miào ngày 02/10/2020 thể hiện việc họp thành lập tổ chia đất rừng gồm các ông Đàm Đức Á (đã chết), Mã Chí H1 (đã chết), Nông Văn S1 qua đó thống nhất phương án chia: Chia theo giông hoặc khe; Cách mồ mả bán kính 50m. Như vậy việc thống nhất trên vào sau thời điểm hộ gia đình ông Đ, bà O được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ý kiến bị đơn cho rằng việc giao đất giao rừng phải cách mồ mả 50m là không có căn cứ.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, tại biên bản lấy lời khai của ông Nông Văn S1, Hoàng Văn T4 vẫn giữ nguyên ý kiến cho rằng đất rừng phải cách mồ mả bán kính là 50m như giao đất, giao rừng, xét ý kiến này là không có căn cứ.

Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định diện tích đất tranh chấp là 1.588,81m^2 trong đó có 402,800m^2 nằm trong phần đất của cộng đồng xóm B. Phía bị đơn ông Q đã dùng máy xúc san gạt, lấn chiếm vào phần đất nằm trong GCNQSDĐ của gia đình ông Đ, bà O với diện tích là 1.185,38m^2.

Phía bị đơn cho rằng việc gia đình bà Nông Thị O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình không biết và việc cấp giấy CNQSDĐ không đúng trình tự thủ tục. Tại Công văn số 60/BC-VPĐK ngày 26/4/2024 của Văn phòng Đ2 chi nhánh H3 trả lời việc cấp GCNQSDĐ số AG 179545 ngày 17/10/2006 là đúng trình tự thủ tục theo quy định. Sau khi được cấp GCNQSDĐ gia đình bà O, ông Đ đã quản lý, sử dụng liên tục không có tranh chấp từ năm 2006 cho đến tháng 12/2021 ông Triệu Văn Q dùng máy xúc về san gạt mới xảy ra tranh chấp.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ nhưng không có tài liệu chứng cứ cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn Triệu Văn Q.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Đối với những nội dung kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Cao Bằng là có căn cứ, đề nghị cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Triệu Văn Q được miễn án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Triệu Văn Q. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 và Thông báo sửa chữa bổ sung số 880/2023/QĐ-SCBSBA ngày 10/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng

2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Triệu Văn Q được miễn án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHADS huyện H;
- TAND huyện H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Biên Hoà